| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **77**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-09-2024
Về việc tranh chấp *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Công Chi** – Bà **Huỳnh Thị Lệ.**

***- Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Bà **Dương Thị Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T – sinh năm 1972, địa chỉ: Đường K, phường H, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Hữu C – sinh năm 1964, địa chỉ:Đường H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, TP Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian đầu, đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không thông cảm được cho nhau. Bà Trương Thị T đã 02 lần giải quyết ly hôn tại tòa án, ông C hứa cố gắng thay

đổi và có viết cam kết nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Hiện nay bà T đã về lại nhà bà T sống, vợ chồng sống không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Trương Thị T xác định tình cảm đã không còn, không thể hàn gắn được nữa nên gửi đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị T xác nhận không có con chung.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Bà Trương Thị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Hồ Hữu C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Hữu C và bà Trương Thị T kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, TP Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ ông bà chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian đầu, đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ông bà đã 02 lần giải quyết ly hôn tại tòa nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình. Tại 02 lần hòa giải này ông C đã cam kết khắc phục những điểm chưa được để 02 vợ chồng hòa thuận, tiếp tục sống chung, bản thân ông C cũng thực hiện đúng như đã hứa nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay bà T đã chuyển ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, ông Hồ Hữu C xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T không chung thủy, ông C thống nhất ly hôn nhưng phải xác định nguyên nhân ly hôn là do bà T không chung thủy, có quan hệ ngoại tình.

- Về quan hệ con chung: Ông Hồ Hữu C xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Ông Hồ Hữu C không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Hồ Hữu C xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Hồ Hữu C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan

điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Hồ Hữu C; về quan hệ con chung, nợ chung bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C khai nhận không có nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Trương Thị T với bị đơn ông Hồ Hữu C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Hồ Hữu C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông Hồ Hữu C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Hồ Hữu C.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Hồ Hữu C thì thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C kết hôn năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 26/02/2020, hôn nhân tự nguyện.

Bà Trương Thị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng không còn sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn là ông Hồ Hữu C thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung, thống nhất yêu cầu ly hôn của bà T nhưng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T không chung thủy.

HĐXX xét thấy, từ khi kết hôn vào năm 2020 đến nay, bà Trương Thị T đã 02 lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được hòa giải đoàn tụ gia đình theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2023 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27.3.2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu. Qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Hồ Hữu C và bà Trương Thị T chung sống xác nhận vợ chồng ông C, bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã to tiếng, hiện nay không còn sống chung là sự thật. Bản thân bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn sống chung và thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với việc ông Hồ Hữu C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T không chung thủy, ngoại tình thì HĐXX không có cơ sở xác định do bà T không thừa nhận, chính quyền địa phương cũng không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C xác nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về quan hệ chia tài sản chung:* Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trương Thị T phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của bà Trương Thị T đối với ông Hồ Hữu C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị T được ly hôn ông Hồ Hữu C.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C khai nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ chia tài sản chung: Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị T và ông Hồ Hữu C khai nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trương Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000827 ngày 17.7.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND quận Liên Chiểu;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;*
*- UBND phường Hòa Khê, quận Thanh Khê;*
*(Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 26/02/2020)*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Trinh**